

TÀI LIỆU HỌC TẬP TRỰC TUYẾN MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 2

- **Phân môn Tập đọc – kể chuyện:**

- 1. Tiết 67, 68: Bài bác sĩ Sói.**

- Các em đọc nhiều lần bài tập đọc.

Nội dung câu chuyện muốn nói : Sói gian ngoan bày mưu lừa Ngựa để ăn thịt, không ngờ bị Ngựa thông minh dùng mẹo trị lại.

- Qua bài tập đọc các em cần chú ý :

Các em không nên nghe và đi theo người lạ cho dù người đó nói đúng tên ba mẹ và đúng cả số điện thoại của ba mẹ. Em phải báo ngay cho chú bảo vệ hoặc thầy cô nào còn ở trong trường để kịp thời giúp đỡ em thoát nạn.

- Câu hỏi thực hành:

- + Từ ngữ nào tả sự thêm thương của Sói khi thấy Ngựa

.....
.....
.....

- + Sói làm gì để lừa Ngựa?

.....
.....
.....

- 2. Tiết 69: Bài Nội quy đảo khí.**

- Các em đọc nhiều lần bài tập đọc.
 - Nội dung câu chuyện muốn nói : Hiểu và có ý thức tuân theo nội quy.
 - Qua bài tập đọc các em cần chú ý :
 - Phát triển và bảo tồn loài vật trước nạn săn bắt của loài người. Phát đi thông điệp “Hãy gần gũi loài vật”.
 - Câu hỏi thực hành:

+ Nội quy Đảo khi có mấy điều?

.....

.....

.....

+ Em hiểu điều 4 trong nội quy như thế nào?

.....

.....

.....

- **Phân môn Chính tả:**

- 1. Tiết 45: Tập chép Bác sĩ Sói.**

- Các em viết đoạn chính tả **Bác sĩ Sói** (sách TV tập 2/43)
(Các em viết vào vở vàng, ghi rõ họ tên, tựa bài, trình bày như viết chính tả trong lớp.)

- 2. Tiết 46: Nghe viết Ngày hội đua voi ở Tây Nguyên.**

- Các em viết đoạn chính tả Ngày hội đua voi ở Tây Nguyên (sách TV tập 2/48)
 - (Các em viết vào vở vàng, ghi rõ họ tên, tựa bài, trình bày như viết chính tả trong lớp.)

- **Phân môn Luyện từ và câu:**

- 1. Tiết 21: Từ ngữ về muông thú. Đặt và TLCH như thế nào?**

- a. Kiến thức cần nắm:**

- Các em viết xếp tên thú dữ nguy hiểm và thú không nguy hiểm vào nhóm thích hợp.(bài 1)
 - Biết trả lời câu hỏi với cụm từ như thế nào? Đặt và trả lời câu hỏi **như thế nào?** (câu hỏi có cụm từ như thế nào là câu hỏi về đặc điểm của sự vật)

b. Bài tập thực hành:

Câu 1. Viết tên các con vật dưới đây vào chỗ trống theo nhóm thích hợp: hổ, báo, gấu, lợn lòi, chó sói, sư tử, thỏ, ngựa vằn, bò rừng, khỉ, vượn, tê giác, sóc, chồn, cáo, hươu.

Thú dữ nguy hiểm	Thú không nguy hiểm
– hổ,	– thỏ,

Câu 2. Dựa vào hiểu biết của em về các con vật, trả lời những câu hỏi sau:

a) Thỏ chạy như thế nào?

M: Thỏ chạy rất nhanh.

Thỏ chạy nhanh như bay.

.....

b) Sóc chuyển từ cành này sang cành khác như thế nào?

.....

c) Gấu đi như thế nào?

.....

d) Voi kéo gỗ như thế nào?

.....

Câu 3. Đặt câu hỏi cho bộ phận được in đậm dưới đây:

a) Trâu cày **rất khỏe**.

M: Trâu cày như thế nào?

b) Ngựa phi **nhANH như bay**.

.....

c) Thấy một chú ngựa béo tốt đang ăn cỏ, sói thèm **rỏ dãi**.

.....

d) Đọc xong nội quy, Khi Nêu cười **khàNH khạCH**.

.....

• **Phân môn Tập viết:**

1. Tiết 21: CHỮ HOA T

a. Kiến thức cần nắm:

- Viết đúng chữ hoa **T** (1 dòng cỡ vừa, 1 dòng cỡ nhỏ), chữ và câu ứng dụng: **Thăng** (1 dòng cỡ vừa, 1 dòng cỡ nhỏ), **Thăng như ruột ngựa** (3 lần).

b. Bài tập thực hành:

- Các em viết vào giấy đôi: 3 dòng chữ **T** cỡ nhỏ, 3 dòng cỡ nhỏ và 4 dòng câu **Thăng như ruột ngựa**.

• **Phân môn Tập làm văn:**

1. Tiết 23: ĐÁP LỜI KHẲNG ĐỊNH. VIẾT NỘI QUY.

a. Kiến thức cần nắm:

- Các em biết đáp lại lời khẳng định trong giao tiếp thông thường với thái độ nhã nhặn, lịch sự và lễ phép với người lớn.
- Bước đầu biết đọc và chép lại từ 2 đến 3 điều trong nội quy của trường em.

b. Bài tập thực hành:

Câu 1/49: Đọc lời các nhân vật trong tranh sau :



- Cô ơi, hôm nay có xiếc hổ không ạ ?

- Có chứ !

- Hay quá !

Câu 2/49: Nói lời đáp của em :

Gợi ý: Em đáp lại lời khẳng định phù hợp với mỗi tình huống, thể hiện thái độ lịch sự và lễ phép.

Trả lời:

a) - Mẹ ơi, đây có phải con hươu sao không ạ ?

- Phải đấy, con ạ.

- **M:** Nó dễ thương quá mẹ ạ.

b) - Con báo trèo được cây không ạ ?

- Được chứ ! Nó trèo giỏi lắm.

-

c) - Thưa bác, bạn Lan có nhà không ạ ?

- Có, Lan đang học bài trên gác.

-

Câu 3/49: Đọc và chép lại từ 2 đến 3 điều trong nội quy dưới đây.



NỘI QUY
Học Sinh

1. Đi học đều, đúng giờ, nghỉ học phải xin phép.
2. Học và làm bài đầy đủ, chuyên cần, chăm chỉ học tập.
3. Trong lớp chú ý nghe giảng bài, phát biểu xây dựng bài học
4. Lễ phép với thầy cô, với tất cả mọi người.
5. Không chửi thề, nói tục, xô đẩy rượt nhau trong giờ chơi.
6. Quần áo gọn gàng, áo trắng quần xanh, nam sinh bỏ áo trong quần, tóc cắt ngắn.
7. Cấm tụ tập ăn quà trước cổng trường, cấm vứt rác bừa bãi ở lớp, ở sân trường.
8. Đi tiểu tiện đúng qui định.
9. Luôn có ý thức bảo vệ của công, không viết bậy, vẽ bẩn lên tường, bàn ghế
10. Học sinh nào thực hiện đúng sẽ được khen thưởng. Học sinh nào vi phạm, tùy theo mức độ nặng nhẹ sẽ thi hành kỷ luật.

HIỆU TRƯỞNG
(Đã ký)

.....

.....

.....

.....

.....

.....